TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 04-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phi Long

2. Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Khánh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: Bà Kiên Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1960; trú tại: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ C sinh năm 1972; trú tại: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1/. Ông Lê Phi L sinh năm 1983; trú tại khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

2/. Bà Nguyễn Thị Th sinh năm 1991; trú tại khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2024 và lời khai tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Khoảng năm 2007 -2008 đến cuối năm 2022 bà có cho bà Nguyễn Thị Mỹ C vay tiền nhiền lần, có lần cho vay số tiền 7.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 50.000.000 đồng nhưng bà không nhớ cho bà C vay bao nhiêu lần và lãi suất bao nhiêu phần trăm (do lâu quá bà không nhớ), khi cho vay bà và Ccũng không có làm hợp đồng hoặc biên nhận nợ. Đến ngày 16/3/2024 bà có cùng ông Lê Phi L đến nhà bà C để chốt lại số tiền mà bà C đã vay là 150.000.000 đồng và bà có nhờ ông L viết dùm biên nhận để cho bà C ký tên vào biên nhận. Về số tiền cho bà C vay là do bà vay của ông L, do ông đòi tiền bà nên mới cùng ông L đến nhà bà C để chốt tiền nợ và nhờ ông L viết dùm biên nhận. Biên nhận nợ ghi ngày 07/4/2023 là ghi lùi ngày lại, chứ thực chất ngày viết biên nhận chốt tiền nợ với bà C là ngày 16/3/2024.

Về 02 bản kê nợ mà Toà án công bố hôm nay là của bà viết và con dâu bà là bà Nguyễn Thị Th viết, mục đích viết 02 bản kê này là để thông báo cho bà C biết nếu bà C không trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng này thì sẽ tính lãi như thế, chứ không phải là viết để kê số tiền nợ của C. Hai bản kê này bà cũng không xác định được là có giao cho bà C hay không.

Nay bà yêu cầu bà C trả cho bà số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm, tính từ ngày 07/4/2023 đến nay.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

Bà có vay tiền của bà H nhiều lần vào các năm 2019, 2020, 2021 và năm 2022 là 05 lần, cụ thể: ngày 02/5/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 4/7/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 19/5/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 11/02/2021 vay 20.000.000 đồng và ngày 31/7/2022 vay 20.000.000 đồng. Khi vay bà và H không có thoả thuận thời hạn vay, tiền lãi.

Đến năm 2022 bà H đến nhà bà đưa 02 tờ giấy tập học sinh nội dung kê số tiền vay mà bà nợ bà H qua các năm là 70.000.000 đồng để chốt nợ và bà trả cho bà H, tuy nhiên 02 tờ giấy này không ai ký tên. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên bà chưa trả tiền vốn vay và tiền lãi cho bà H.

Đến ngày 16/3/2024 bà H có cùng ông L đến nhà bà để chốt số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 80.000.000 đồng là bằng 150.000.000 đồng. Biên nhận này do ông L viết dùm tại nhà bà và bà ký tên vào biên nhận, tuy nhiên biên nhận ghi ngày 07/4/2023 là không đúng vì thực chất ngày ghi biên nhận là ngày 16/3/2024. Khi bà ký tên vào biên nhận thì không ai ép buộc, hay đe doạ nhưng bà không có xem lại biên nhận mà chỉ nghe bà H nói vốn và lãi là 150.000.000 đồng và kêu bà ký thì bà ký, sau khi ký biên nhận khoảng 02 ngày thì bà H khởi kiện bà.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền vốn gốc vay ngày 02/5/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 4/7/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 19/5/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 11/02/2021 vay 20.000.000 đồng và ngày 31/7/2022 vay 20.000.000 đồng đến nay và tiền lãi theo quy định 10%/năm tương ứng với thời gian các lần vay.

- *Người làm chứng ông Lê Phi L trình bày:* Ông có cho bà H vay tiền để bà H cho bà C vay lại. Do đó ngày 16/3/2024 ông có cùng bà H đến nhà bà C để chốt tiền nợ của bà C, bà Ccũng thừa nhận nợ bà Hồng số tiền 150.000.000 đồng. Ông có viết dùm biên nhận nợ, biên nhận nợ ghi ngày 07/4/2023 là ghi lùi ngày lại vì ngày viết biên nhận là ngày 16/3/2024.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị Th trình bày:* bà là con dâu của bà H. Qua việc Toà án cho bà xem 02 bản kê tiền vay, thì bà thừa nhận 01 bản kê nợ là do bà viết theo yêu cầu của mẹ bà là bà H, nhưng bà không biết mục đích để làm gì, còn bản kê có đánh số quanh tròn từ 01 đến 5 bản kê này là do mẹ bà viết, nhưng bà không biết mục đích để làm gì.

Tại phiên toà các bên phát biểu ý kiến tranh luận như sau: Bà H cho rằng bà C vay tiền nhiều lần và đã lâu, đồng ý ký biên nhận nên bà yêu cầu bà C trả tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm. Bà C không thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà H vì thực tế bà chỉ vay số tiền 70.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả 70.000.000 đồng lãi 10% tương ứng với 05 lần vay đến nay.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, do bị Hội đồng xét xử nhắc nhỡ nhiều lần.

+ Về nội dung vụ án: Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà H đều không xác định được cho bà C vay cụ thể thời gian nào, cho vay bao nhiêu lần, tổng số tiền gốc là bao nhiêu và lãi bao nhiêu phần trăm cũng như thời hạn cho vay mà chỉ căn cứ vào biên nhận lập ngày 16/3/2024 để xác định bà C vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng, trong khi bà H thừa nhận 02 bản kê tổng kết tiền vay, tiền lãi là do bà và con dâu của bà viết. Và bà H không thừa nhận hai bản kê này bà đã đưa cho bà Cẩm để tổng kết số tiền vay của bà C. Nhưng giữa bà H và bà C có phát sinh giao dịch vay tài sản, hai bản kê này là của bà H, việc bà C có được hai bản kê này là do bà H đưa mới có được. Theo hai bản kê có thể hiện tổng cộng 05 lần vay là 70.000.000 đồng, trong đó có kèm tính ra tiền lãi của từng lần vay. Như vậy lời khai của bà C có vay của bà H tổng cộng 05 lần tiền vốn gốc tổng cộng 70.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ mà bà C cung cấp. Nên có căn cứ xác định bà C vay của bà H số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Việc bà H yêu cầu bà C trả số tiền gốc 150.000.000 đồng là chưa phù hợp với tình tiết khách

quan, do đó cũng không có căn cứ tính lãi theo mức lãi 20% kể từ ngày 07/4/2023 đến nay trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 10%, tương ứng thời gian vay. Về án phí đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền vay và tiền lãi; bị đơn bà C có địa chỉ cư trú khóm M, phường N, thị xã P. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về việc vắng mặt người làm chứng: Bà Th đã có lời khai trình bày rõ ràng, trung thực sự việc mà mình biết nên việc vắng mặt bà Th không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về biên nhận nợ lập ngày 07/4/2023, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Theo lời trình bày của bà H và bà C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đều thống nhất là: Biên nhận này do ông L viết dùm, bà C tự nguyện ký tên không bị ép buộc hoặc bị đe doạ, trong biên nhận thể hiện số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi 20%, biên nhận lập ghi ngày 07/4/2023 là ghi lùi ngày vì ngày thực tế ghi biên nhận là ngày 16/3/2024, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Biên nhận lập ngày thực tế là ngày 16/3/2024, tuy nhiên bà H không chứng minh được bản chất thực tế bà C vay tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng, bởi lẽ: bà C không thừa nhận có vay tổng cộng số tiền gốc của bà H là 150.000.000 đồng, bà C chỉ thừa nhận vay tiền gốc của bà H 05 lần là 70.000.000 đồng. Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại biên toà của bà H đều không xác định được cho bà C vay cụ thể thời gian nào, cho vay bao nhiêu lần, tổng số tiền gốc là bao nhiêu và lãi bao nhiêu phần trăm cũng như thời hạn cho vay mà chỉ căn cứ vào biên nhận lập ngày 16/3/2024 để xác định bà C vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng, trong khi bà H thừa nhận 02 bản kê tổng kết tiền vay, tiền lãi là do bà và con dâu của bà viết. Theo hai bản kê có thể hiện rõ thời gian vay, số tiền cho vay, tiền lãi, cụ thể: tổng cộng 05 lần vay là 70.000.000 đồng, cụ thể: ngày 02/5/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 4/7/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 19/5/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 11/02/2021 vay 20.000.000 đồng và ngày

31/7/2022 vay 20.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử không căn cứ biên nhận lập ngày 07/4/2023 để xem xét, kết luận bà C có vay của bà H số tiền gốc là 150.000.000 đồng.

[4] Về hai bản kê do bà C cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên toà bà H đều thừa nhận 01 bản kê do bà viết, 01 bản kê do con dâu của bà là bà Th viết, tuy nhiên bà Hkhông thừa nhận hai bản kê này bà đã đưa cho bà C để tổng kết số tiền vay của bà C. Lời khai của bà C khẳng định hai bản kê này do do bà H đưa cho bà với mục đích là tổng kết số tiền bà đã vay của bà Hồng là 05 lần, lời khai của bà Cẩm là có căn cứ vì: giữa bà H và bà C có phát sinh giao dịch vay tài sản, hai bản kê này là của bà H, việc bà C có được hai bản kê này là do bà H đưa mới có được. Theo hai bản kê có thể hiện tổng cộng 05 lần vay là 70.000.000 đồng, cụ thể: ngày 02/5/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 4/7/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 19/5/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 11/02/2021 vay 20.000.000 đồng và ngày 31/7/2022 vay 20.000.000 đồng, trong đó có kèm tính ra tiền lãi của từng lần vay. Như vậy lời khai của bà C có vay của bà H tổng cộng 05 lần tiền vốn gốc tổng cộng 70.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ mà bà C cung cấp.

[5] Xét yêu cầu khởi hiện của nguyên đơn bà H về việc yêu cầu bà C trả tiền vốn 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ các mục đã phân tích ở mục [3] và [4] nêu trên thì bà H không chứng minh được theo biên nhận lập ngày 07/4/2023 là bà C có vay của bà H tổng số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Bà C chỉ thừa nhận có vay của bà H 05 lần tổng cộng số tiền gốc là 70.000.000 đồng, cụ thể ngày 02/5/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 4/7/2019 vay 10.000.000 đồng; ngày 19/5/2020 vay 10.000.000 đồng; ngày 11/02/2021 vay 20.000.000 đồng và ngày 31/7/2022 vay 20.000.000 đồng, lời trình bày và thừa nhận của bà C là phù hợp tình tiết khách quan và chứng cứ do bà C cung cấp, từ căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận bà C vay của bà H số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Việc bà H yêu cầu bà C trả số tiền gốc 150.000.000 đồng là chưa phù hợp với tình tiết khách quan, do đó cũng không có căn cứ tính lãi theo mức lãi 20% kể từ ngày 07/4/2023 đến nay trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng với số tiền lãi 34.528.000 đồng.

[6] Về tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: giữa bà H và bà C không xác định được tiền lãi, các bên có tranh chấp về tiền lãi. Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ",* do đó tiền lãi được tính cụ thể như sau:

[6.1] Tiền vay ngày 02/5/2019 là 10.000.000 đồng: tiền lãi được tính 10.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 83.000 đồng/tháng (01 ngày là 2.767 đồng), từ ngày 02/5/2019 đến ngày xét xử ngày 04/6/2024 là 1.832 ngày. Như vậy 2.767 đồng x 1.832 ngày = 5.069.144 đồng.

[6.2] Tiền vay ngày 04/7/2019 là 10.000.000 đồng: tiền lãi được tính 10.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 83.000 đồng/tháng (01 ngày là 2.767 đồng), từ ngày 04/7/2019 đến ngày xét xử ngày 04/6/2024 là 1.770 ngày. Như vậy 2.767 đồng x 1.770 ngày = 4.897.590 đồng.

[6.3] Tiền vay ngày 19/5/2020 là 10.000.000 đồng: tiền lãi được tính 10.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 83.000 đồng/tháng (01 ngày là 2.767 đồng), từ ngày 19/5/2020 đến ngày xét xử ngày 04/6/2024 là 1.455 ngày. Như vậy 2.767 đồng x 1.455 ngày = 4.025.985 đồng.

[6.4] Tiền vay ngày 11/02/2021 là 20.000.000 đồng: tiền lãi được tính 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 166.000 đồng/tháng (01 ngày là 5.533 đồng), từ ngày 11/2/2021 đến ngày xét xử ngày 04/6/2024 là 1.193 ngày. Như vậy 5.533 đồng x 1.193 ngày = 6.600.869 đồng.

[6.4] Tiền vay ngày 31/7/2022 là 20.000.000 đồng: tiền lãi được tính 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 166.000 đồng/tháng (01 ngày là 5.533 đồng), từ ngày 31/7/2022 đến ngày xét xử ngày 04/6/2024 là 664 ngày. Như vậy 5.533 đồng x 664 ngày = 3.673.912 đồng.

[7] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Buộc bà C trả cho bà H tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi số tiền 24.267.500 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu bà Cẩm trả số tiền vốn và tiền lãi là 90.260.500 đồng.

[8] Về án phí, Hội đồng xét xử xét thấy: nguyên đơn bà H không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 90.260.500 đồng, do bà H là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà H được miễn nộp số tiền 4.513.025 đồng. Nguyên đơn bà H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 94.267.500 đồng, do đó bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.713.375 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 24.267.500 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 94.267.500 đồng.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với số tiền 90.260.500 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ C chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 4.713.375 đồng. Bà Nguyễn Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 4.513.025 đồng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Truyền